

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI 30/4

# BÁO CÁO

**ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH NGÓI 30/4**

**tại xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An**

Thanh Chương, năm 2022

## BÁO CÁO

### ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH NGÓI 30/4  
tại xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH NGÓI 30/4



GIAM ĐỐC  
Đặng Hoài Nam

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH NGHỆ AN



P. GIAM ĐỐC

Trần Thị Thu Hương

Thanh Chương, năm 2022

# MỤC LỤC

Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
3.1. Công suất của cơ sở.....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	2
3.2.1. Công nghệ sản xuất ngói xi măng .....	2
3.2.2. Công nghệ sản xuất gạch.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	5
4.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu .....	6
4.2. Máy móc, thiết bị.....	6
4.3. Nguồn cung cấp điện .....	8
4.4. Nguồn cung cấp nước .....	8
Chương II.....	9
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG .....	9
Chương III .....	11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	11
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	11
1.2.1. Công trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.....	11
1.2.2. Công trình thu gom và thoát nước thải sản xuất .....	11
1.3. Xử lý nước thải.....	12
1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt .....	12
1.3.2. Nước thải phát sinh từ nhà trộn .....	14
2.1. Phát sinh từ quá trình sinh hoạt giao thông .....	15
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình nấu nướng tại nhà ăn. ....	15
2.3 Công trình, biện pháp xử lý tiếng ồn, phát sinh từ xe tải bốc dỡ gạch tại khu vực.....	16
2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ lò nung .....	16
2.4.1.Nội dung khác với giấy phép được phê duyệt.....	16
2.4.2. Quy trình xử lý bụi, khí thải lò nung của cơ sở.....	16
3.1. Rác thải sinh hoạt thông thường.....	18
3.2. Phân loại rác tại nguồn .....	18
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	18

5. CÔNG TRÌNH, BIỆ PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG .....	19
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG .....	19
6.1 Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải .....	19
6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống lò nung .....	20
7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	20
Chương IV .....	21
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	21
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	21
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	22
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG .....	23
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn.....	23
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn .....	23
3.3. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn .....	23
Chương V .....	24
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CỬA CƠ SỞ.....	24
1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI NĂM 2022.....	24
2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ NĂM 2022 .....	25
Chương VI.....	28
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CỬA CƠ SỞ .....	28
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI ....	28
2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI.....	28
Chương VII.....	29
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ .....	29
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	29
Chương VIII .....	30
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	30

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp máy móc, thiết bị của sản xuất xi măng .....	7
Bảng 1.2. Tổng hợp máy móc, thiết bị của sản xuất gạch.....	7
Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại phát sinh năm 2022 .....	19
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	21
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm .....	22
Bảng 4.3. Giá trị tiếng ồn theo quy chuẩn.....	23
Bảng 5.1. Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý năm 2022.....	24
Bảng 5.2. Kết quả phân tích mẫu không khí tại cổng nhà máy tháng 5 năm 2022 .....	25
Bảng 5.3. Kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực tập kết sản phẩm của nhà máy tháng 5 năm 2022.....	26
Bảng 5.4. Kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực lò nung Tuynel của nhà máy tháng 5 năm 2022 .....	26

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ dây chuyền sản xuất ngói .....	2
Hình 1.2. Sơ đồ dây chuyền sản xuất gạch.....	3
Hình 1.3. Sản phẩm của cơ sở .....	6
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa .....	11
Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu, gom thoát nước thải sinh hoạt .....	11
Hình 3.3. Bể tự hoại 3 ngăn.....	13
Hình 3.4. Sơ đồ bể lắng xử lý nước thải từ nhà trộn .....	14
Hình 3.5. Quy trình xử mùi từ khu vực nhà ăn .....	15
Hình 3.6. Sơ đồ phát thải khí thải lò nung.....	17
Hình 3.7: Hình ảnh ống khói khí thải lò nung.....	17

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>Viết tắt</b>	<b>Nghĩa của từ</b>
BHLĐ	Bảo hộ lao động
BYT	Bộ Y tế
BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BTXM	Bê tông xi măng
BVMT	Bảo vệ Môi trường
BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa đo sau 5 ngày ở nhiệt độ 20 <sup>0</sup> C
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CBCNV	Cán bộ, công nhân viên
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
GPMT	Giấy phép môi trường
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
KH	Kế hoạch
GTVT	Giao thông vận tải
QCCP	Quy chuẩn cho phép
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
QLNN	Quản lý nhà nước
QP-AN	Quốc phòng - An ninh
QTMT	Quan trắc Môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia
XLNT	Xử lý nước thải

## **Chương I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

#### **1. TÊN CHỦ CƠ SỞ**

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Gạch ngói 30 - 4;
- Địa chỉ văn phòng: xóm Tân Phong, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông: Đặng Hoài Nam - Giám Đốc;
- Điện thoại: 02386290609;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900771841 ngày 05/12/2006, thay đổi lần 6 ngày 22/6/2020 của Công ty CP Gạch ngói 30 - 4.

#### **2. TÊN CƠ SỞ**

- Tên cơ sở: Nhà máy Gạch ngói 30 – 4;
- Địa điểm cơ sở: xóm Tân Phong, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 725/UBND - TNMT ngày 22/4/2013 của UBND huyện Thanh Chương về việc xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Nhà máy sản xuất ngói xi măng màu tại xóm Tân Phong, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 3855/UBND - TNMT ngày 31/12/2015 của UBND huyện Thanh Chương về việc xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Nhà máy gạch 30-4 tại xóm Tân Phong, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của Luật đầu tư công năm 2019): nhóm C;
- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thì Nhà máy sản xuất Gạch ngói 30-4 là đối tượng phải lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Thanh Chương.

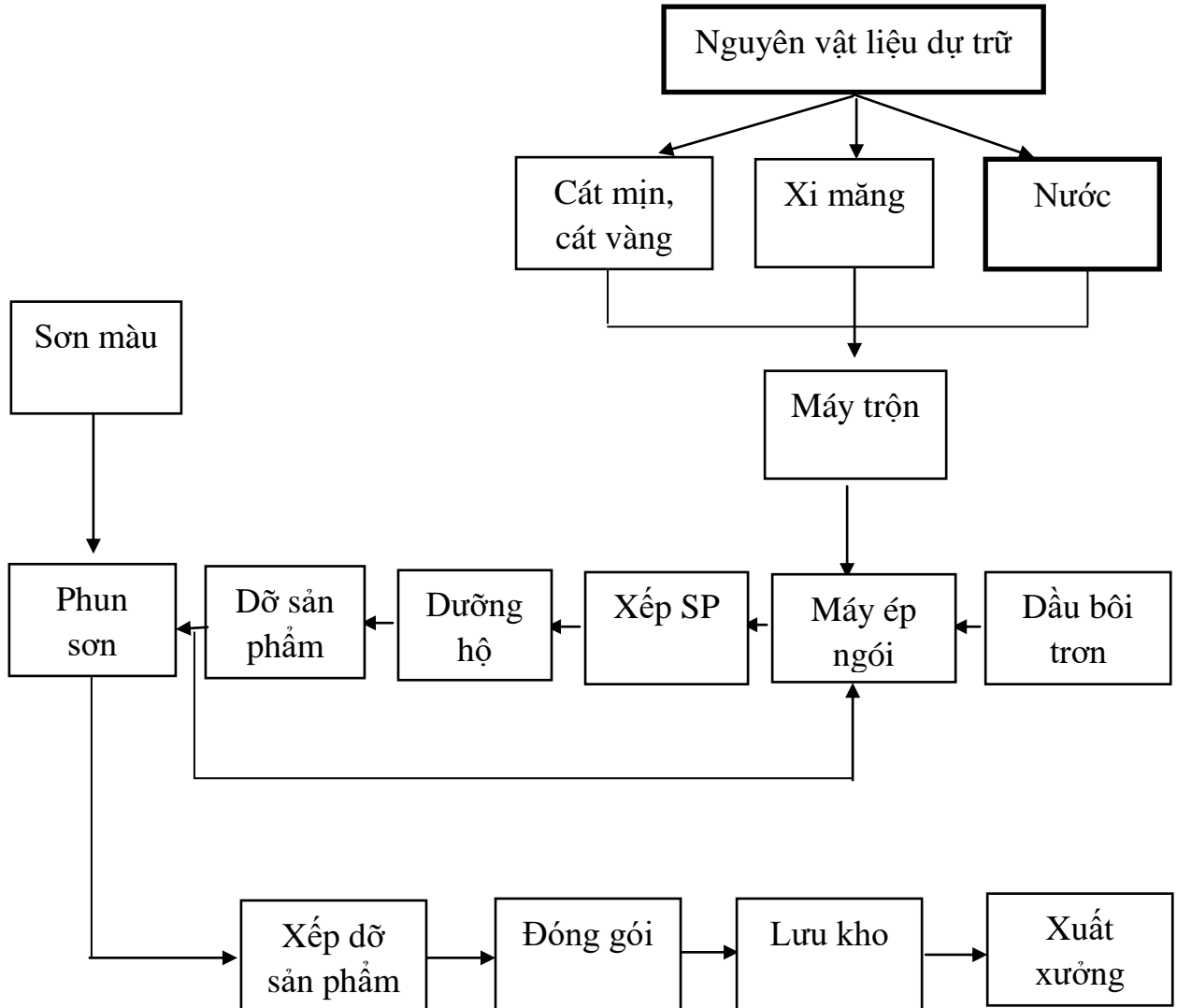
#### **3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ**

##### **3.1. Công suất của cơ sở**

- Dây chuyền sản xuất ngói xi măng chất lượng cao, có công suất 500.000 viên/năm
- Dây chuyền sản xuất gạch với công suất 60 triệu viên/năm.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

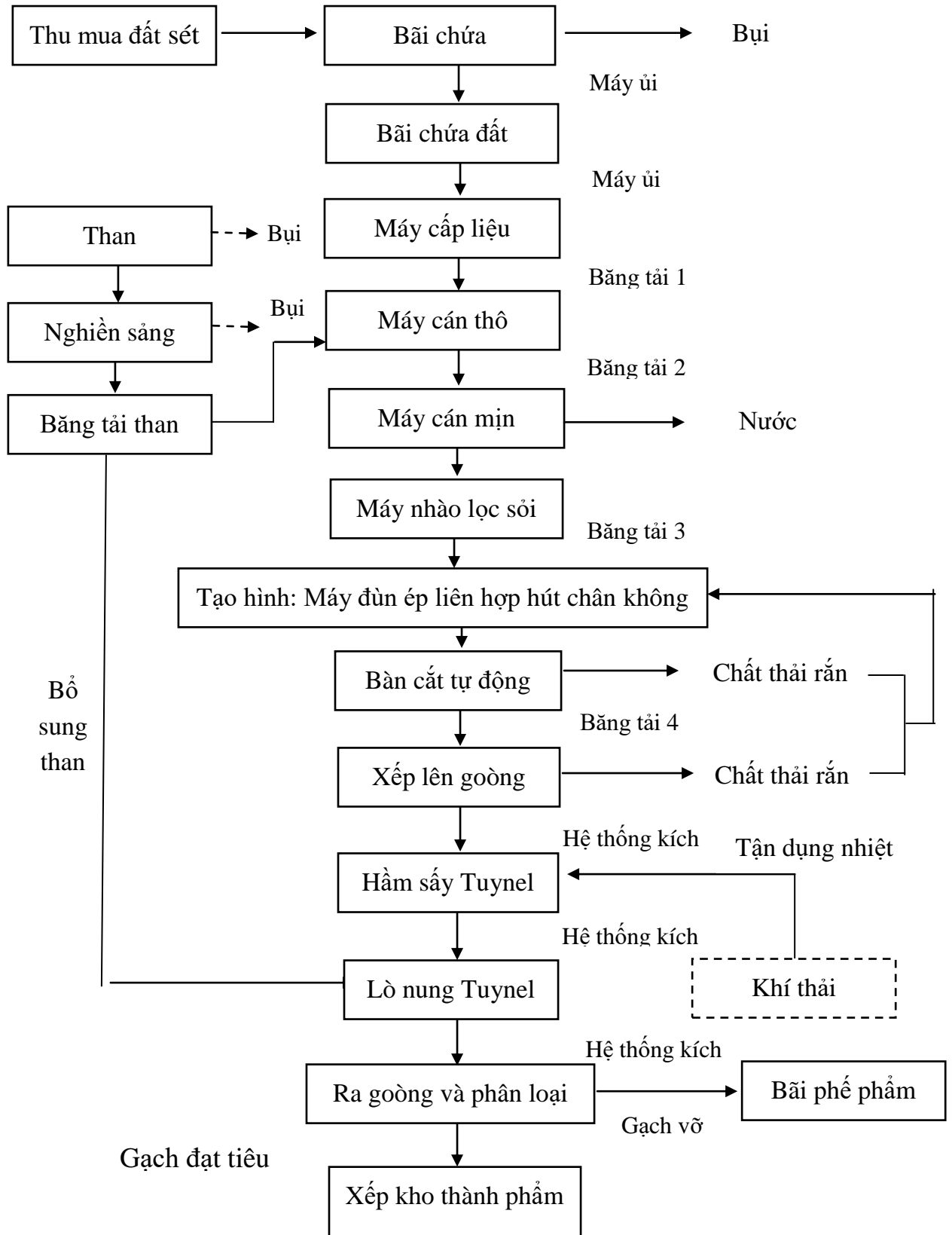
#### 3.2.1. Công nghệ sản xuất ngói màu xi măng



**Hình 1.1.** Sơ đồ dây chuyền sản xuất ngói



### 3.2.2. Công nghệ sản xuất gạch



**Hình 1.2.** Sơ đồ dây chuyền sản xuất gạch

**\* *Thuyết minh công nghệ sản xuất:***

Công nghệ sản xuất gạch được thực hiện trên cơ sở: Chế biến tạo hình bằng phương pháp dẻo trên hệ thống máy của Việt Nam, sấy và nung bằng hệ thống hầm sấy – Lò nung Tuynel.

*- Nguồn nguyên liệu*

Đất sét được thu mua trên địa bàn từ các quá trình đào kênh mương và từ việc cải tạo ruộng bậc thang thành đất sản xuất 2 vụ, sau đó dùng ô tô vận chuyển tập kết vào bãi chứa đất để tiếp tục phong hóa khoảng 3 - 6 tháng.

*- Chế biến tạo hình*

Đất sét khi đã đủ thời gian phong hóa, được máy ủi đưa vào nhà chứa đất. Tại nhà chứa đất, đất sét được đưa vào máy cấp liệu thùng bằng máy ủi.

Sau đó, nguyên liệu qua băng tải 1 tới máy cán thô. Đồng thời, băng tải than vận chuyển than sai khi nghiền rải đều trên băng tải 1 cùng với nguyên liệu. Lượng than pha vào trong gạch khoảng 95 – 100% tổng lượng than tiêu tốn.

Tại máy cán thô, do tác động quay của hai quả cán và khe hở giữa chúng phối liệu đập vỡ, chà xát từ kích thước ban đầu xuống kích thước nhỏ hơn. Tiếp đến phối liệu qua băng tải 2 được chuyển đến máy cán mịn. Tương tự như máy cán thô, tại máy cán mịn phối liệu bị phá vỡ cấu trúc từ kích thước nhỏ hơn nữa. Sau đó, phối liệu được chuyển đến máy nhào lọc, có rác và những vật có kích thước lớn hơn mặt sàng sẽ bị giữ lại. Phối liệu ra khỏi máy có kích thước mặt sàng và chiều dài phụ thuộc vào độ dẻo của phối liệu.

Tiếp đến nguyên liệu phối trộn được đưa vào máy đùn ép liên hợp hút chân không để tạo hình. Tại đây, phối liệu được nhào trộn lần cuối cùng và bị cắt thành những lát mỏng khi ra khỏi máy nhằm làm cho quá trình loại không khí trong phối liệu tốt hơn khi vào buồng chân không. Phối liệu khi vào buồng chân không, không khí bị tách ra theo đường nối với bơm chân không rồi ra ngoài. Máy đùn ép làm nhiệm vụ vận chuyển, nén ép phối liệu để tạo hình thành những phối gạch mà kích thước tiết diện của phối có kích thước theo yêu cầu đã định của viên gạch mộc. Nếu có gạch mộc hỏng sẽ được đưa lại máy đùn ép chân không để tạo hình lại.

*- Đưa vào lò sấy*

Gạch mộc ra khỏi máy cắt sẽ theo băng tải vận chuyển và được sắp xếp tiếp lên goòng. Nhờ hệ thống kích, xe phà đưa goòng vào lò sấy.

Lò sấy Tuynel là loại lò sấy hoạt động liên tục có mức độ cơ giới hóa xếp dỡ, điều chỉnh tác nhân sấy cao. Lò sấy Tuynel sử dụng tác nhân sấy là phân khí thải và không khí nóng dư của vùng làm nguội của lò nung Tuynel. Sản phẩm sắp xếp lên goòng chuyển động ngược chiều so với tác nhân sấy. Nhiệt độ đầu vào 130 – 150<sup>0</sup>C, nhiệt độ ra từ 35 – 45<sup>0</sup>C.

Sau khi qua lò sấy Tuynel, gạch mộc đạt độ ẩm 1 – 2% và được đưa vào lò nung Tuynel.

*- Nung Tuynel*

Gạch trên goòng từ lò sấy đưa sang lò nung, chuyển động dọc kênh lò và được đẩy vào lò nung nhờ hệ thống kích đẩy thủy lực.

Chiều dài lò là 105m được chia thành 3 zon chính: zon sấy và đốt nóng, zon nung, zon làm nguội. Theo cách thức bố trí thiết bị nên sản phẩm chuyển động còn ngọn lửa (zon nung) đứng yên. Thông gió chính của lò chủ yếu nhờ quạt hút khí thải đặt ngay tại đầu lò nung với các cửa gió bố trí ngay sát mặt goòng. Tại zon đốt nóng sản phẩm được sấy và đốt nóng bởi nhiệt của không khí nóng từ zon nung chuyển động qua, ở đây có bố trí hai quạt đối lưu nhằm tăng cường khả năng sấy khô sản phẩm. Cuối zon sấy và đốt nóng nhiệt độ của gạch đạt 500 – 600<sup>0</sup>C.

Zon nung gồm 81 lỗ tra than, than cám được bổ sung, lượng than rắc thêm là 5 -10% lượng than cần thiết để nung chín gạch. Than trong gạch mộc kết hợp với than bổ sung cháy nâng nhiệt độ của sản phẩm lên đến nhiệt độ thích hợp. Nhiệt độ cao nhất đạt được tại vị trí zon nung sản phẩm và được nung ở nhiệt độ nung thích hợp khoảng 3 giờ.

Ở zon làm nguội sản phẩm được làm nguội dần đến nhiệt độ ra lò nhờ một quạt hút không khí nóng dư và nhờ không khí cung cấp quá trình nung lấy nhiệt chuyển lên zon nung.

*- Phân loại sản phẩm*

Sản phẩm gạch sau khi qua lò nung được xe phà đưa tới kho thành phẩm. Tại kho thành phẩm được phân loại, xếp lô trước khi đưa đi tiêu thụ. Gạch vỡ được đưa tới bãi phế phẩm.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

*- Sản phẩm của nhà máy là ngói xi măng màu và gạch Tuynel*



**Hình 1.3.** Sản phẩm của cơ sở

#### **4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN NƯỚC CỦA CƠ SỞ**

##### **4.1. Nhu cầu nguyên, vật liệu**

Nguyên liệu sản xuất ngói xi măng là xi măng.

Nguyên liệu sản xuất gạch là đất sét khoảng 60.000 m<sup>3</sup>/năm, than 15.000 tấn/năm.

- Đất sét: Đất sét được thu mua trên địa bàn từ các quá trình đào kênh mương và từ việc cải tạo ruộng bậc thang thành đất sản xuất 2 vụ, sau đó dùng ô tô vận chuyển tập kết vào bãi chứa đất để tiếp tục phong hóa. Hiện tại, công ty đang làm hồ sơ xin khai thác mỏ.

- Than: Mua từ TP. Vinh, được vận chuyển bằng đường bộ

##### **4.2. Máy móc, thiết bị**

Hệ thống thiết bị, máy móc của Nhà máy đã được đầu tư khá đồng bộ và hiện đại, đáp ứng dây chuyền sản xuất hiện đại.

**Bảng 1.1.** Tổng hợp máy móc, thiết bị của sản xuất xi măng

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị sản xuất ngói lợp</b>		
1	Xi lô chứa xi măng	Đường kính 3m, cao 4,5m	1
2	Vít tải xi măng	Fi270, dài 6m	1
3	Máy trộn và thiết bị định lượng		1
4	Máy ép ngói lợp		1
5	Máy cấp liệu hai khoang PLD800		1
6	Khay ngói lợp	Khay sắt	2.000
7	Máy phun sơn	Máy Bnas tự động	1
8	Máy nén khí 300L		1
9	Kệ chứa ngói	120 viên/cái	17
10	Xe nâng và chuyển kệ thủ động		1
11	Máy đóng gói ngói		1
12	Máy sản xuất phụ kiện ngói		1
<b>II</b>	<b>Thiết bị khác</b>		
1	Tủ điện tổng + dây dẫn		1
2	Hệ thống cấp nước, cấp hơi tạo hình		1
3	Thiết bị khác		1
4	Móng máy		1

(Nguồn: Thống kê vật tư, thiết bị của Công ty năm 2022)

**Bảng 1.2.** Tổng hợp máy móc, thiết bị của sản xuất gạch

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Nguồn gốc</b>
<b>A</b>	<b>Thiết bị chế biến tạo hình</b>	
1	Máy cấp liệu	Việt Nam
2	Máy cán thô	Việt Nam
3	Máy cán mịn	Việt Nam
4	Máy nhào lọc	Việt Nam
5	Nhào đùn chân không	Việt Nam
6	Máy nén khí	Việt Nam
7	Máy cắt tự động	Việt Nam
8	Máy nghiền sàng than	Việt Nam
9	Các băng tải	Việt Nam
<b>B</b>	<b>Thiết bị lò nung hầm sấy</b>	
10	Quạt hút khí thải lò nung	Việt Nam

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Nguồn gốc</b>
11	Quạt tuần hoàn	Việt Nam
12	Quạt hút khí thải lò sấy	Việt Nam
13	Tời cửa	Việt Nam
14	Kích đẩy thủy lực lò nung hầm sấy	Việt Nam
15	Xe phà điện	Việt Nam
16	Tời kéo gòong	Việt Nam
<b>C</b>	<b>Các thiết bị khác</b>	
17	Bơm nước	Việt Nam
18	Nghiền than	Việt Nam
19	Mài, hàn, khoan	Việt Nam

*(Nguồn: Thống kê vật tư, thiết bị của Công ty năm 2022)*

#### **4.3. Nguồn cung cấp điện**

Nguồn điện cấp cho nhà máy là hệ thống điện lưới của Nam Đàn và Thanh Chương qua trạm biến áp 750KW và 400KW.

Tổng lượng điện tiêu thụ của nhà máy khoảng 1180,8KW/h

#### **4.4. Nguồn cung cấp nước**

- Nguồn cung cấp nước sản xuất cho nhà máy được lấy từ Hồ Bàu Lác, với lưu lượng 10m<sup>2</sup>/ngày đêm.

- Nguồn cấp nước sinh hoạt và tưới cây: Được lấy từ nguồn nước dưới đất với lưu lượng khai thác lớn nhất 15m<sup>3</sup>/ng.đ.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG**

#### **1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG**

Nhà máy Gạch ngói 30-4 được xây dựng tại xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An với tổng diện tích 74.519,8 m<sup>2</sup>.

Địa điểm của cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất của huyện Thanh Chương được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 và phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thanh Chương được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 6/7/2022.

Như vậy, Nhà máy Gạch ngói 30-4 phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

#### **2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN CHẤT THẢI**

- Đối với nước thải

Nước thải của Nhà máy với lưu lượng xả thải tối đa 12m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể phốt, sau đó chảy về mương dọc đường trước nhà máy chảy ra sông Rào Gang. Nước thải sản xuất dùng để trộn nung gạch được tái tuần hoàn, không phát thải ra ngoài môi trường.

- Đối với khí thải

Khí thải phát sinh trong quá trình sấy, nung gạch, tất cả được xử lý qua hệ thống lò sấy và lò nung trước khi thải ra môi trường ngoài.

- Đối với chất thải rắn: được thu gom và hợp đồng với các đơn vị chức năng vận chuyển định kỳ nên hầu như không gây tác động đến môi trường. Thành phần bao gồm:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt cán bộ công nhân viên tại nhà máy. Thành phần bao gồm: Chất thải rắn dễ phân huỷ là các loại chất thải hữu cơ như lương thực, thực phẩm dư thừa bị thải loại; Chất thải rắn khó phân huỷ gồm các loại chai lọ, bao bì bằng kim loại, polyme. Nhà máy thu gom, tập kết, và được môi trường xã thu gom xử lý đúng quy định.

+ Chất thải rắn sản xuất: không phát sinh.

- Chất thải nguy hại: CTNH bao gồm Pin, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh

quang, giặt lau máy dính dầu mỡ, dầu mỡ thải trong quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị. Nhà máy đã tiến hành phân định, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại được quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường. Hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An thu gom vận chuyển chất thải nguy hại hàng năm theo đúng quy định.

Tất cả các nội dung đánh giá trên đã được nêu cụ thể trong Đề án bảo vệ môi trường đơn giản và được nhận xét có tính chi tiết và độ tin cậy cao. Hiện nay, Nhà máy Gạch 30-4 đã áp dụng đầy đủ các biện pháp giảm thiểu, phù hợp và tuân thủ các quy định, hướng dẫn tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/BTNMT nên các chất thải thải ra môi trường đáp ứng được khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.



### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa toàn khu vực được thu gom và thoát theo các hướng;

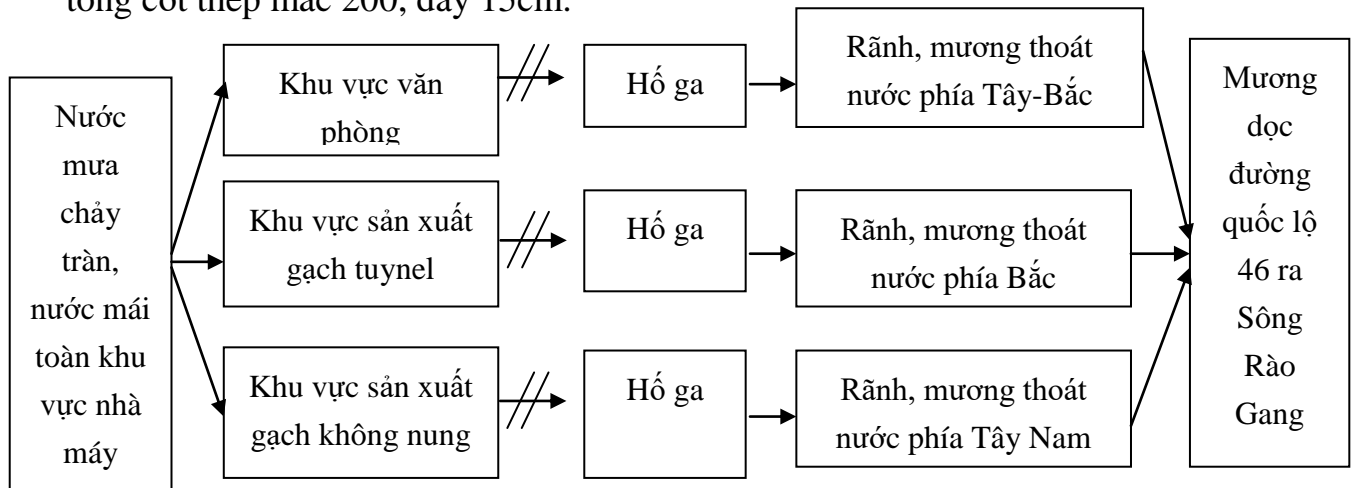
+ Hướng 1: khu vực văn phòng nằm ở phía **Tây Bắc** cơ sở (có cos cao nhất khu đất), nước mưa sau khi được thu gom từ mái nhà, mặt bằng rồi chảy xuống hệ thống rãnh thoát nước mưa (rộng 0.5m, sâu 0.4m) trong nội vi cơ sở rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc đường quốc lộ 46 sau đó thoát ra sông Rào Gang.

+ Hướng 2: khu vực sản xuất, nhà chứa gạch, khu vực máy tạo khuôn, khu vực lò được thu gom bằng hệ thống rãnh (rộng 0.5m, sâu 0.4m) bao quanh khu vực sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc đường quốc lộ 46 sau đó thoát ra sông Rào Gang.

+ Hướng 3: là khu vực nhà sản xuất ngói không nung phía **Tây Nam**, nước mưa từ mái và sân được thu gom vào hệ thống rãnh (rộng 0.5m, sâu 0.4m) dọc hai bên nhà sản xuất ngói không nung sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc đường quốc lộ 46 và thoát ra sông Rào Gang.

Như vậy, toàn bộ nước mưa mái, nước mưa chảy tràn qua toàn bộ nhà máy được chảy tràn và thu gom thoát theo 3 hướng.

Mương thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy là các rãnh thoát nước có tổng chiều dài **650m**. Dọc các mương thu gom bố trí các hố ga kích thước mỗi hố dài x rộng = 0,8m x 1,0m, chiều cao thay đổi từ 0,8m đến 1,2m. Đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 15cm.

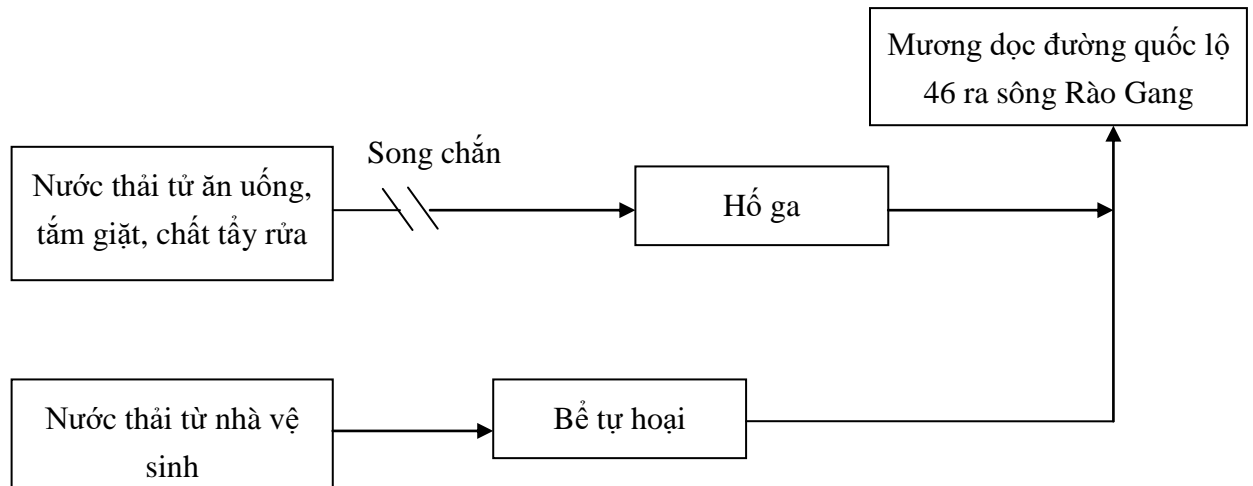


**Hình 3.1.** Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải của nhà máy sản xuất gạch ngói 30/4 bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, cụ thể như sau.

### 1.2.1. Công trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt



**Hình 3.2.** Sơ đồ mạng lưới thu, gom thoát nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh và nước thải từ ăn uống, tắm giặt, chất tẩy rửa.

Nước thải sinh hoạt từ bệ xí, bệ tiểu được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa UPVC D110mm từ các nhà vệ sinh chung dẫn xuống bể tự hoại xây ngầm dưới đất để xử lý và được dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

Nước thải từ ăn uống, tắm giặt, chất tẩy rửa,... sau khi qua bể tách dầu được thu gom vào ống nhựa UPVC D110mm rồi cùng nước thải nhà vệ sinh từ các khu nhà được đưa về hệ thống xử lý tập trung.

Nước thải được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn ngầm dưới đất

Kết cấu: Đáy bể bằng bê tông cốt thép dày 220 mm, vữa xi măng mác 75; Tường xây bằng gạch Tuynen dày 220 mm, vữa xi măng mác 60; Nắp bể bằng bê tông cốt thép dày 200 mm, vữa xi măng mác 100.

Nước thải được xử lý tại các bể tự hoại, theo độ dốc đổ vào đường ống dẫn nước thải (có kích thước P250, dài 25m) về hệ thống mương thoát chung của khu vực.

### 1.2.2. Công trình thu gom và thoát nước thải sản xuất

- Nước thải sau khi xử được thải vào mương thoát nước chung của cơ sở rồi đầu nối vào mương đường dọc quốc lộ rồi đổ ra sông Rào Gang. Chiều dài đoạn mương thoát 500m, có kết cấu bằng bê tông cốt thép. Đáy mương bằng bê tông cốt

thép mác 200, dày 15cm; thành bể xây gạch chỉ loại A Tuynel; Tấm đan bê tông cốt thép mác 200, dày 10 cm.

*Điểm xả nước thải sau xử lý:*

- Điểm xả nước thải: Nước thải được thoát ra sông Sông Rào Gang bằng mương thoát của cơ sở và mương thoát nước khu vực;

Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )”

X (2069628); Y (573485)

- Lưu lượng xả thải lớn nhất của nhà máy là  $12\text{m}^3/\text{ngày}$ ;

- Chế độ xả thải: Liên tục 24h/ngày đêm;

- Phương thức xả thải: tự chảy theo mương dẫn dọc đường Quốc lộ chảy ra Sông Rào Gang.

- Nước thải sau khi được xử lý đạt Quy chuẩn 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) được đầu nối vào mương dẫn dọc đường Quốc lộ chảy vào nguồn tiếp nhận là Sông Rào Gang

+ Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, Cmax, với hệ số  $K=1$ ) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Rào Gang

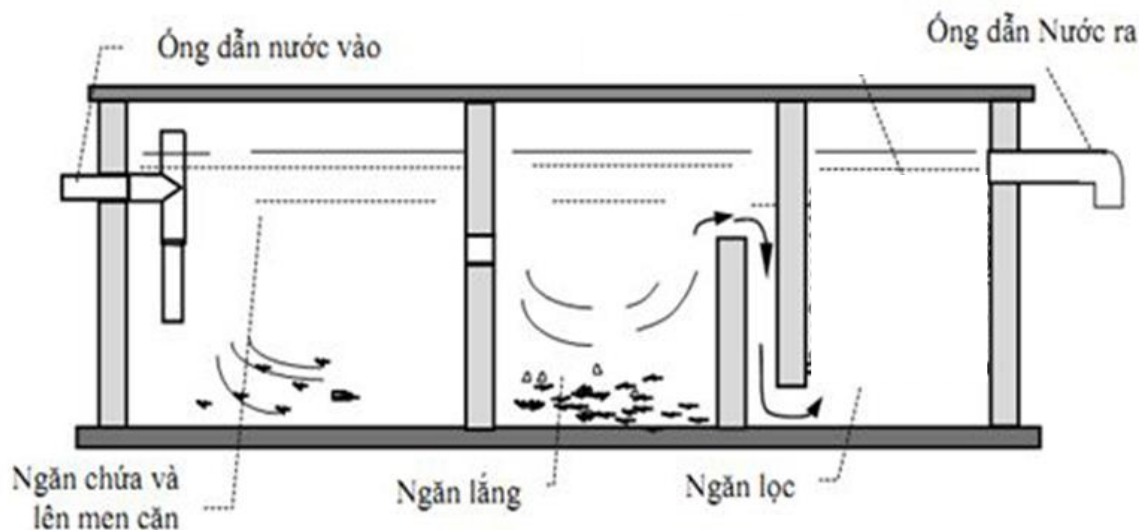
### **1.3. Xử lý nước thải**

#### ***1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt***

Nước thải sinh hoạt tại nhà máy phát sinh tại khu vực văn phòng và khu vực sản xuất. Nước thải sinh hoạt bao gồm nước từ nhà vệ sinh và nước rửa tay, tắm giặt, nhà ăn

##### *a) Xử lý nước thải từ nhà vệ sinh*

Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể phốt 3 ngăn.



**Hình 3.3.** Bể tự hoại 3 ngăn

*Thuyết minh quy trình:*

*\* Ngăn 1*

Nhiệm vụ chính là tách các chất rắn vô cơ có trọng lượng riêng lớn hơn trọng lượng riêng của nước như cát, hạt quả, phân,...ra khỏi nước thải. Thực chất là bể lắng 1. Đáy bể lắng thường làm dốc  $i = 0,01$  để thuận tiện khi cào gom cặn lắng, cặn được đưa vào hố thu cặn ở đầu bể.

*\* Ngăn 2*

Tách các vật chất lơ lửng có tỷ trọng lớn (bùn, rác vụn...).

*\* Ngăn lọc*

Tách các chất ở trạng thái lơ lửng có kích thước nhỏ bằng cách lọc chúng qua lưới lọc đặc biệt hoặc qua lớp vật liệu lọc là vật liệu có nhiều lỗ bọt. Mô hình bể tự hoại cho thấy giữa 2 tấm đan bê tông cốt thép (BTCT) có đục lỗ là gạch vỡ, than củi hoặc than xỉ. Mục đích sử dụng than củi hay than xỉ, góp phần làm trong nước thải hơn sau khi lọc. Nước từ ngăn 2 được đưa đến sẽ được phân phối đều trên toàn diện tích bề mặt bể, đi qua lớp vật liệu lọc, được làm sạch và theo các ống máng có đục lỗ rút đi. Việc làm sạch nước được thực hiện nhờ các màng sinh vật xuất hiện trên bề mặt lớp vật liệu lọc khi tiếp xúc với oxy của không khí xâm nhập từ bề mặt bể, các lỗ ở thành bể và từ khoảng trống ở đáy bể. Để phân phối nước đều trên bề, người ta thường dùng các máng răng cưa hoặc ống châm lỗ.

Thời gian nước lưu trong bể từ 1 - 3 ngày nên vận tốc nước chảy trong bể rất nhỏ. Do đó, trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy bể. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Vì vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải,

lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh. Kết quả của quá trình lên men cặn là sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ thành các chất đơn giản gồm  $H_2O$ ,  $CO_2$ ,  $CH_4$ ,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

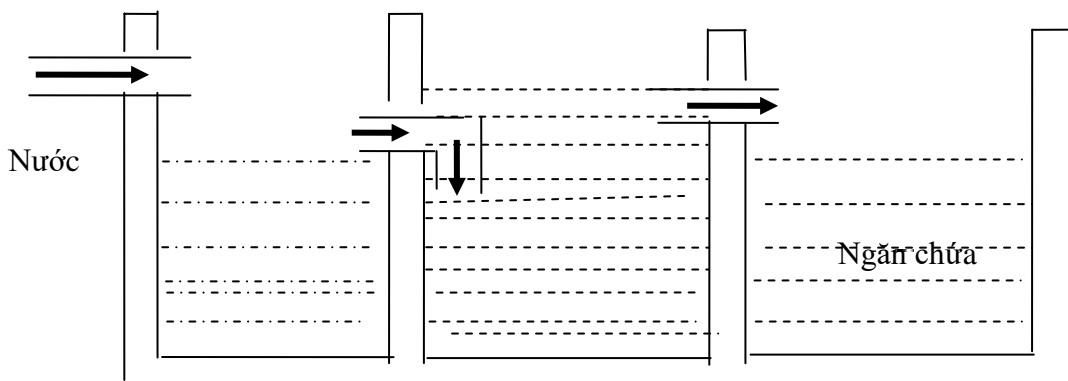
Bùn cặn ở đáy bể được hút định kỳ 6 tháng/lần và đem đổ đúng nơi quy định. Khoảng 20% lượng cặn đã lên men để lại trong bể để tạo men cho bùn cặn tươi mới lắng.

Nhà máy thiết kế 02 bể phốt:

- Khu vực văn phòng:  $10m^3$
- Khu vực sản xuất:  $10m^3$

### 1.3.2. Nước thải phát sinh từ nhà trộn

Bể được thiết kế là bể lắng 3 ngăn. Ngăn thứ nhất chứa nước thải đầu vào, tại đây cặn lắng xuống dưới, nước phía trên được tràn qua ngăn 2 tiếp tục lắng, sau đó tràn qua ngăn 3 thực hiện chức năng lưu giữ. Nước tại ngăn 3 được bơm tuần hoàn để vệ sinh và đập bụi. Cặn lắng tại các ngăn được dùng để san lấp mặt bằng tại chỗ.



**Hình 3.4.** Sơ đồ bể lắng xử lý nước thải từ nhà trộn

Nước qua ngăn gom số 1, tại đây phần cặn được lắng lần 1, phần nước được tràn qua ngăn 2, tại ngăn 2 phần cặn được tiếp tục lắng, phần nước được tràn qua ngăn. Nước tại ngăn 3 được bơm tuần hoàn trở lại để phục vụ sản xuất. Phần cặn tại các ngăn định kỳ được nạo vét và dùng san lấp mặt bằng tại chỗ. Như vậy, nước thải từ các ngăn lắng hầu hết được tái sử dụng tuần hoàn, một phần được thải ra môi trường ngoài.

- Kích thước bể lắng: Bể lắng có thể tích  $10m^3$

## 2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

### 2.1. Phát sinh từ quá trình sinh hoạt giao thông

- Đề ra nội quy ra vào khu vực dự án đối với toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực dự án.

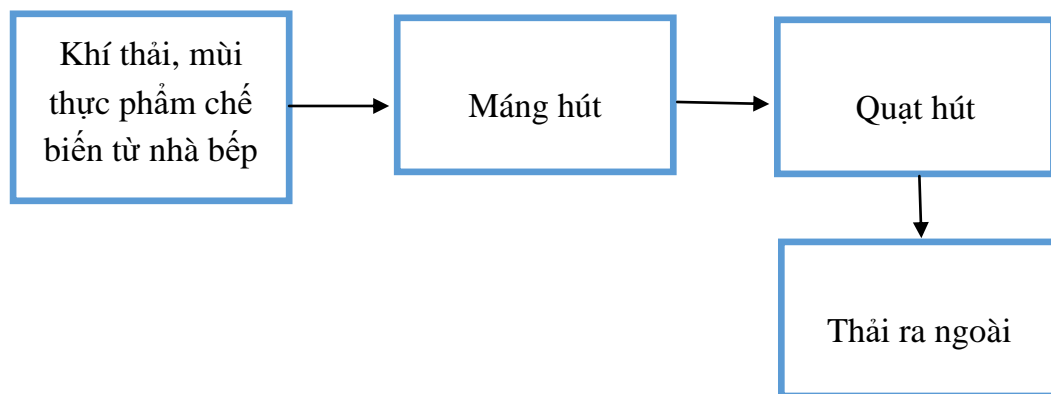
- Bụi do các phương tiện vận chuyển trong khuôn viên dự án do các phương tiện vận chuyển thô sơ như xe gắn máy, xe ô tô sẽ được khắc phục bằng cách phun ẩm đường nội bộ vào các thời điểm nắng nóng để giảm thiểu phát sinh bụi gây ô nhiễm.

- Trồng cây xanh, tại khu vực. Phương pháp trồng cây xanh dễ thực hiện mà hiệu quả mang lại rất lớn, hạn chế ô nhiễm không khí là khá đơn giản, hiệu quả và tốn ít kinh phí. Cây xanh có tác dụng hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt. Ngoài ra còn tạo cảnh quan thoáng đãng trong khu vực cơ sở.

### 2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình nấu nướng tại nhà ăn.

Đây là khu vực phục vụ nhu cầu ăn uống của lãnh đạo nhà máy, với lượng nguyên liệu không lớn, tuy nhiên cần phải thực hiện các biện pháp hạn chế mùi chế biến thức ăn để không ảnh hưởng tới môi trường lao động tại nhà máy cụ thể:

Quy trình xử lý:



**Hình 3.5.** Quy trình xử mùi từ khu vực nhà ăn

- Thiết bị: Quạt hút ly tâm đủ lực để hút các khí thải trong nhà bếp ra ngoài.

- Hiệu quả xử lý: Hệ thống hút đảm bảo hút thông thoáng > 90% và vị trí thải được bố trí sau các dãy nhà tòa nhà ở và ở cuối hướng gió nên đảm bảo không ảnh hưởng cho môi trường xung quanh.

- Thu gom triệt để lượng chất thải rắn là thức ăn thừa phát sinh hàng ngày phòng ngừa khả năng phân hủy hữu cơ phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

### **2.3 Công trình, biện pháp xử lý tiếng ồn, phát sinh từ xe tải bốc dỡ gạch tại khu vực**

- Để hạn chế tối đa khả năng gây ồn tác động trực tiếp đến công nhân làm việc, nhà máy thiết kế xe ra vào khu vực luân phiên, không tập trung cùng thời điểm vừa tránh cộng hưởng tiếng ồn vừa đảm bảo an toàn lao động.

### **2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ lò nung**

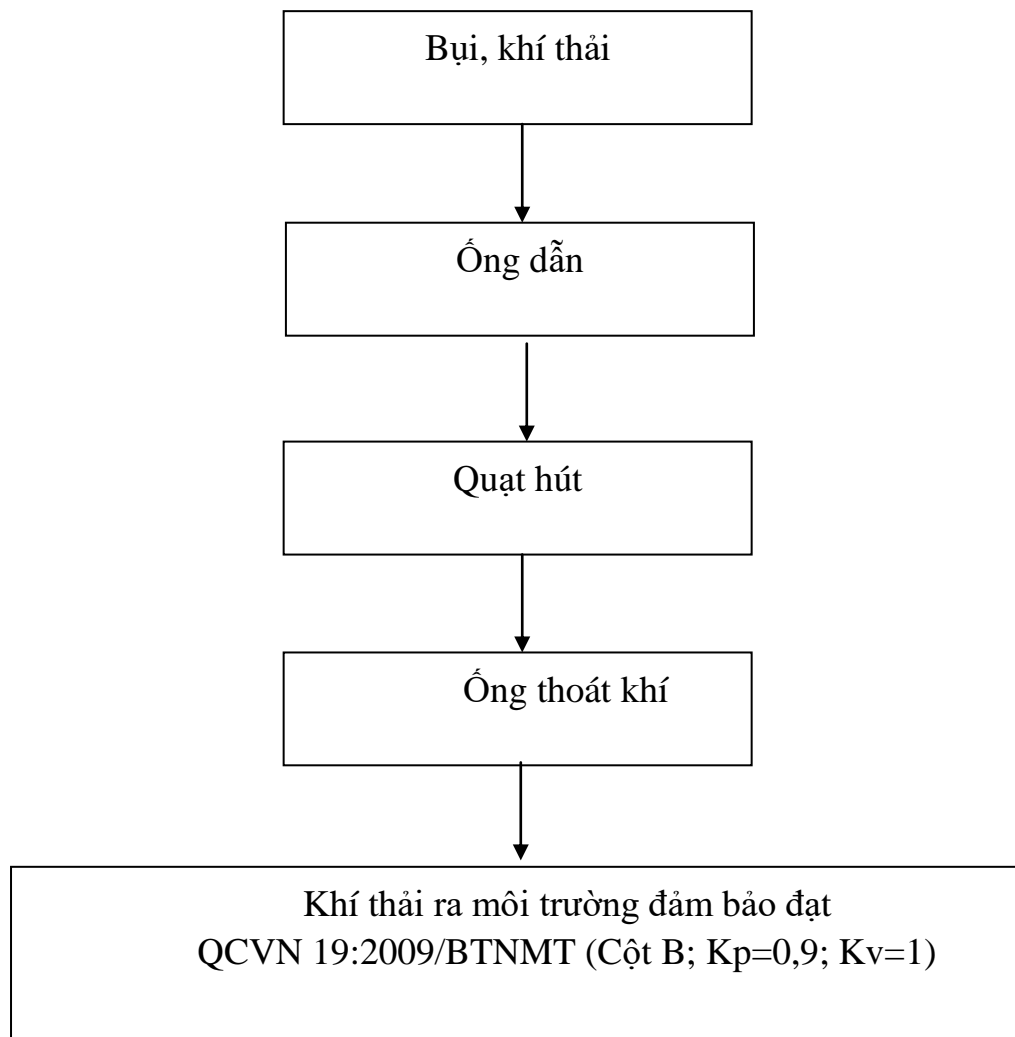
#### **2.4.1. Nội dung khác với giấy phép được phê duyệt**

- Nhà máy gạch 30/4 sử dụng lò nung để nung gạch, tuy nhiên khí thải hiện tại không được xử lý như Giấy phép được phê duyệt.

#### **2.4.2. Quy trình xử lý bụi, khí thải lò nung của cơ sở**

- Với chức năng sản xuất ra hơi nước bão hòa, hoạt động dựa trên nguyên tắc trao đổi nhiệt, nhiên liệu được đốt cháy trao đổi nhiệt với thân, làm nước bên trong thân lò bay hơi đến điều kiện nhiệt độ và áp suất nhất định, sau đó qua đường cấp hơi chính, hơi nóng sẽ được cấp đến các thiết bị giặt, hệ thống ủi và sấy của cơ sở.

- Nguyên liệu sử dụng: Than, trung bình **80l/ngày – 100l/ngày**.
- Chiều cao ống khói: 20m.
- Quy trình xử lý bụi, khí thải lò hơi của cơ sở:



**Hình 3.6.** Sơ đồ phát thải khí thải lò nung



**Hình 3.7:** Hình ảnh ống khói khí thải lò nung



### **3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**

Chất thải rắn thông thường của cơ sở chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ công nhân tại nhà máy.

#### **3.1. Rác thải sinh hoạt thông thường**

- Bố trí dụng cụ thu gom rác: Thùng rác được đặt tại khu vực nhà xưởng với các kích cỡ 50l, 120l. Tại khu văn phòng, nhà ăn đặt các thùng rác 50l, bố trí nhân viên phụ trách dọn dẹp vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày.

- Nhân viên vệ sinh có nhiệm vụ thu gom rác trong nội bộ nhà máy và có trách nhiệm quét dọn, thu gom rác hàng ngày.

#### **3.2. Phân loại rác tại nguồn**

- Đối với rác thải là thức ăn thừa: Được thu gom và cán bộ công nhân viên thu gom về nhà để tái sử dụng (nuôi gia súc, gia cầm).

- Đối với rác sinh hoạt không tái chế: nhân viên vệ sinh hàng ngày thu gom và tập kết phía trước nhà máy, nhân viên của đơn vị thu gom rác địa phương thu gom và xử lý.

- Đối với rác thải sinh hoạt tái chế: một số loại như lon bia, nước ngọt, bao bì giấy, ni lông, được nhân viên vệ sinh thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu có chức năng.

### **4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

- Chất thải nguy hại bao gồm dẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng,... được lưu giữ hợp lý tại 05 thùng Composit loại 50l có nắp đậy và dán nhãn.

- Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung vào kho. Kho chứa chất thải nguy hại có kết cấu tường gạch vữa xi măng, có mái che và gờ chống tràn khi gặp sự cố, chất thải nguy hại được lưu trữ trong kho bằng các dụng cụ riêng biệt để tránh rò rỉ và có dán nhãn CTNH. Định kỳ 6 tháng liên hệ với đơn vị có chức năng để xử lý.

**Bảng 3.1.** Thống kê chất thải nguy hại phát sinh năm 2022

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý (*)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận
1	Dầu mỡ thải	150107	30	Thiêu đốt	Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An
2	Dẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	180201	50	Thiêu đốt	
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	8	-	
4	Các thiết bị, linh kiện, thiết bị điện tử thải	160113	2	-	

(Nguồn: Chủ đầu tư cung cấp, tháng 2022)

## 5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Tiếng ồn gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông trong khu vực, bộ phận sản xuất gạch.

Chủ đầu tư bố trí trồng cây xanh xung quanh dự án nhằm tạo cảnh quan đẹp.

## 6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

### 6.1 Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

#### \* Một số sự cố thường gặp đối với hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống vi sinh không phát triển hoặc bị mất bùn vi sinh.

#### \* Phương án xử lý các vấn đề như sau

- Với hệ thống vi sinh gặp chất lượng xấu hoặc lỗi trong quá trình vận hành cần cân nhắc nuôi cấy bổ sung chế phẩm hoặc bổ sung bùn trực tiếp từ các hệ thống xử lý nước thải khác. Thời gian nếu cần có để bổ sung bùn trực tiếp từ việc hút bùn từ các hệ thống khác là khoảng 8h kể từ lúc ra quyết định bổ sung.

- Hệ thống bơm trực trực kỹ thuật như kẹt rác thì với hệ thống được thiết kế 02 bơm song song và chạy luân phiên thì hoàn toàn có thể tháo lắp và sửa chữa.

- Hệ thống toàn bộ đều được thiết kế với 02 bơm hoặc thiết bị thì có thể đóng van khóa thiết bị, bơm bị hỏng, cài đặt lại rơ le thời gian cho thiết bị không hỏng chạy toàn thời gian. Thời gian dành cho việc sửa chữa 01 thiết bị hỏng là trong vòng từ 5-7 ngày mà không ảnh hưởng đến hệ thống.

- Tủ điện bị chập, cháy một trong các thiết bị: Với trường hợp này cũng tương tự như mục 3, tắt aptomat của các thiết bị điện bị hỏng và chỉ hoạt động các thiết bị còn. Đồng thời điều chỉnh rơ le sao cho thiết bị điều khiển bơm chạy toàn thời gian trong thời gian chờ mua hàng lắp đặt thiết bị điện bị hỏng. Nếu trường hợp hỏng rơ le thời gian hoặc tủ hỏng nặng thì có thể chạy trực tiếp các bơm bằng tay theo phao báo mức nước đã được cài đặt sẵn.

## **6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống lò nung**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải lò hơi;

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải;

- Chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Khi có thông tin bị sự cố (khói đen, bụi), Điều độ sản xuất phải báo cáo lên ban chỉ đạo và lập tức dừng ngay hoạt động, chấm dứt cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò, sau đó nhanh chóng cào nguyên liệu đang cháy ra khỏi buồng đốt, đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại.

- Nhà máy cam kết sẽ chỉ đưa dây chuyền sản xuất vào hoạt động khi đã khắc phục sự cố và hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định theo thiết kế (xử lý bụi và khí thải đảm bảo hàm lượng bụi trong khí thải cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ( $K_p=0,9$  và  $K_v=0,6$ ).

## **7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án.

Cơ sở có lắp đặt lò sấy nung và tại Đề án bảo vệ môi trường đưa ra phương án xử lý tuy nhiên, trong quá trình vận hành không phù hợp.

Tại giấy phép này, cơ sở trình bày nêu rõ hạng mục lò nung với biện pháp mới trình cơ quan quản lý.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

- Nguồn phát sinh nước thải: nước thải được phát sinh từ 03 nguồn
- + Nguồn 1: nước thải sinh hoạt từ bể xí, bể tiêu;
- + Nguồn 2: nước thải từ ăn uống, tắm giặt, chất tẩy rửa,....
- + Nguồn 3: nước thải từ hồ lắng khu vực nhà trộn.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng

Nước thải sau khi được xử lý đạt Quy chuẩn 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) được đầu nối vào mương dẫn dọc đường Quốc lộ 46 chảy vào nguồn tiếp nhận là Sông Rào Gang.

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, Cmax, với hệ số K=1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**Bảng 4.1.** Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (C)
1	pH	thang pH	5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	H <sub>2</sub> S	mg/l	4
6	Amoni	mg/l	10
7	Nitrat	mg/l	50
8	Dầu mỡ động vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Tổng P	mg/l	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí xả thải: Mương thoát nước dọc đường Quốc lộ 46 chảy ra Sông Rào Gang.

Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>)

X (573485); Y (2069628)

- Chế độ xả thải: Liên tục 24h/ngày đêm.
- Phương thức xả thải: tự chảy theo mương dẫn dọc đường Quốc lộ 46 chảy Sông Rào Gang.

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Rào Gang.

## 2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

- Nguồn phát sinh khí thải: khí thải được phát sinh từ lò nung thoát ra các ống khói số 1,2,3,4 cao 30m.

- Dòng khí thải: 04 dòng

+ Dòng 1: khí thải từ lò nung thoát ra từ ống khói số 1;

+ Dòng 2: khí thải từ lò nung thoát ra từ ống khói số 2;

+ Dòng 3: khí thải từ lò nung thoát ra từ ống khói số 3;

+ Dòng 4: khí thải từ lò nung thoát ra từ ống khói số 4.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: áp dụng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

**Bảng 4.2.** Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT
1	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850
4	NO	mg/Nm <sup>3</sup>	-

- Vị trí xả thải: Các cột ống khói 1,2,3,4 từ lò nung

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>

X (573514); Y (2069612)

- Chế độ xả thải: Liên tục 24h/ngày đêm.

- Phương thức xả thải: Quạt đẩy khí thải thoát ra ống khói cao 30m.

- Nguồn nước tiếp nhận: Môi trường không khí xung quanh nhà máy Gạch ngói 30/4 tại xã Thanh Khai huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

### 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại cơ sở: tiếng ồn từ máy móc; tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy, tiếng ồn từ hoạt động sản xuất.

#### 3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ khu vực nhà xưởng gạch tuynel;
- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ khu vực sân tập kết gạch tuynel;
- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ khu vực sản xuất ngói không nung.

#### 3.3. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

**Bảng 4.3.** Giá trị tiếng ồn theo quy chuẩn

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CỬA CƠ SỞ

#### 1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI NĂM 2022

Chương trình Quan trắc nước thải của Nhà máy Gạch ngói 30-4 năm 2022 được thực hiện định kỳ theo đợt và được thiết kế dựa trên Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số số 3855/UBND-TNMT ngày 31/12/2015 của UBND huyện Thanh Chương và Giấy phép xả thải số 08/GP-STNMT.NBHD cấp ngày 08/3/2017.

- Thời gian quan trắc: tháng 8/2022.
- Vị trí quan trắc:
  - + Mẫu nước trước hệ thống xử lý nước thải.
  - + Mẫu nước sau hệ thống xử lý nước thải.
- Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu/đợt.

Kết quả phân tích mẫu được thể hiện như sau:

**Bảng 5.1.** Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	
			Đợt 2 Tháng 8/2022	C	C <sub>max</sub>
1	pH	-	6,9	6,5–8,5	6,5–8,5
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	29,1	100	120
3	TSS	mg/L	62,0	50	60
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	5,17	10	12
5	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	1,93	50	60
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	2,26	50	60
7	Tổng Coliforms	CFU/100mL	3.500	5.000	5.000

(Nguồn: Chủ đầu tư cung cấp năm 2022)

**Ghi chú:** “-”: không quy định trong quy chuẩn;

- Các thông số in nghiêng do nhà thầu phụ phân tích;
- KPH: Không phát hiện;
- Dấu (-): Không quy định trong Quy chuẩn;
- Áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Giá trị C: Giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở tính toán giá trị CMax; Giá trị Cmax: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận;

$C_{max} = C \times K$ ; trong đó: K là hệ số về quy mô dân cư trên 50 hộ,  $K=1$ ;

**Nhận xét:** Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý của Nhà máy Gạch 30-4 cho thấy, giá trị tất cả các thông số thử nghiệm đều nằm trong giới hạn cho phép quy định tại quy chuẩn QCVN 24:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

## 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ NĂM 2022

**Bảng 5.2.** Kết quả phân tích mẫu không khí tại công nhà máy tháng 5 năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	35,3	-
2	Độ ẩm	%	58,2	-
3	Bụi TSP*	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	173,2	300
				<b>QCVN 26:2010/BTNMT</b>
4	Tiếng ồn	dBA	62,1	70

(Nguồn: Chủ đầu tư cung cấp năm 2022)

- **Ghi chú:** “-”: không quy định trong quy chuẩn;
- **KPH:** Không phát hiện;
- **Dấu (-):** Không quy định trong Quy chuẩn;
- **Áp dụng QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí xung quanh.**
- **QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn xung quanh**
- **TCVN 7878-2:2018 – Tiêu chuẩn quốc gia về tiếng ồn**
- **Vị trí lấy mẫu:** Khu vực cổng nhà máy
- **Nhận xét:** Từ kết quả bảng trên cho thấy, tiếng ồn tại khu vực cổng nhà máy đạt tiêu chuẩn cho phép TCVN 7878-2:2018.



**Bảng 5.3.** Kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực tập kết sản phẩm của nhà máy tháng 5 năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 26:2016/BYT
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	35,5	-
2	Độ ẩm	%	58,6	40-80
3	Bụi TSP*	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	189,2	<b>QCVN 02:2019/BYT</b>
				8.000
4	Tiếng ồn	dBA	63,2	<b>QCVN 24:2016/BYT</b>
				85

(Nguồn: Chủ đầu tư cung cấp năm 2022)

- **Ghi chú:** “-”: không quy định trong quy chuẩn;
- **KPH:** Không phát hiện;
- **Dấu (-):** Không quy định trong Quy chuẩn;
- **Áp dụng QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.**
- **QCVN 24:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.**
- **QCVN 26:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giới hạn cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.**
- **Vị trí lấy mẫu:** Khu vực tập kết sản phẩm.
- **Nhận xét:** Từ kết quả bảng trên cho thấy, tiếng ồn, bụi tại khu vực tập kết sản phẩm của nhà máy đạt quy chuẩn cho phép.

**Bảng 5.4.** Kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực lò nung Tuynel của nhà máy tháng 5 năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 26:2016/BYT
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	35,1	-
2	Độ ẩm	%	58,2	-
3	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	184,3	<b>QCVN 02:2019/BYT</b>
				8.000
4	Tiếng ồn	dBA	61,2	<b>QCVN 24:2016/BYT</b>
				85

(Nguồn: Chủ đầu tư cung cấp năm 2022)

- **Ghi chú:** “-”: không quy định trong quy chuẩn;
- **KPH:** Không phát hiện;

- Dấu (-): Không quy định trong Quy chuẩn;
- Áp dụng QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giới hạn cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- Vị trí lấy mẫu: Khu vực tập kết sản phẩm.
- **Nhận xét:** Từ kết quả bảng trên cho thấy, tiếng ồn, bụi tại khu vực lò nung Tuynel của nhà máy đạt quy chuẩn cho phép.

## **Chương VI**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật môi trường, cơ sở không phải tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

#### **2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI**

- Theo khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Gạch ngói 30-4 có lưu lượng xả thải 12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải (tự động, liên tục và định kỳ).

- Theo khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Nhà máy Gạch ngói 30-4 không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải (tự động, liên tục và định kỳ).

**Chương VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Do tình hình dịch covid nên 02 năm qua Nhà máy không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

- Công ty CP Gạch ngói 30-4 cam kết các thông tin trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của báo cáo;

- Chủ cơ sở cam kết tiếp tục thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm môi trường như đã nêu trong báo cáo, cụ thể:

+ Về nước thải: nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thoát ra mương dọc đường nhà máy chảy về sông Rào Gang;

+ Về khí thải: được dẫn lên ống khói cao 30m trước khi thải ra môi trường ngoài;

+ Về chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và xử lý (đạt 100%);

+ Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, quản lý theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép để xử lý.

+ Sử dụng công nghệ lò nung, ép gạch tiên tiến hạn chế tác động đến môi trường.

Đồng thời cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường. Trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường thì Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Các giấy tờ kèm theo.